

Số: 173/2024/QĐST- DS Thọ Xuân, ngày 26 tháng 8 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

### SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ/v: Yêu cầu xác định cha cho con TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

*Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:*

*Tham phán - Chủ tọa phiên họp:* Ông Lê Ngọc Công.

*Thư ký phiên họp:* Ông Lê Văn Hân.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân tham gia phiên họp:*

Ông Lê Văn Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 137/2024/TLST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2024 về việc: “Yêu cầu xác định cha cho con”, theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 10/2024/QĐST - DS ngày 12 tháng 8 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Chị Vũ Thị H, sinh năm 1989, địa chỉ: Thôn F, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Lê Văn H1, sinh năm 1986, địa chỉ: Thôn C, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

2. Anh Lê Văn D, sinh năm 1983, địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

## NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Chị Vũ Thị H và anh Lê Văn D là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 17/01/2014. Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Văn T, sinh năm 2014, sau đó do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nên anh chị đã sống ly thân với nhau. Trong thời gian ly thân, đến năm 2018, chị có quan hệ tình cảm với anh Lê Văn H1 và có 02 người con chung cùng anh H1 là Lê Thị Khánh N, sinh ngày 13/3/2019 và Lê Anh T1, sinh ngày 25/9/2020.

Đến năm 2024, chị đã làm thủ tục ly hôn với anh **Lê Văn D** và đã được Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa giải quyết theo quyết định số 47/2024/QĐST – HNGĐ ngày 05/7/2024. Nay chị muốn làm thủ tục khai sinh cho cháu **N** và cháu **T1**, để hai cháu có đầy đủ tên bố mẹ trong giấy khai sinh. Nhưng vì chị và anh **H1** không phải là vợ chồng được pháp luật công nhận nên không thực hiện được việc khai sinh theo nhu cầu. Chị xác định cháu **N** và cháu **T1** là con chung giữa chị và anh **H1**, nên chị yêu cầu Tòa án xác định anh **Lê Văn H1** là cha đẻ của các cháu **Lê Thị Khánh N** và **Lê Anh T1**.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – Anh **Lê Văn H1** trình bày:*

Anh và chị **H** có quan hệ yêu đương với nhau từ năm 2018 và đã có 02 con chung với nhau là **Lê Thị Khánh N**, sinh ngày 13/3/2019 và **Lê Anh T1**, sinh ngày 25/9/2020. Hiện tại anh muốn làm thủ tục khai sinh cho cháu **N** và cháu **T1**, để hai cháu có đầy đủ tên bố mẹ trong giấy khai sinh nhưng không được. Anh xác định cháu **N** và cháu **T1** là con chung của anh và chị **H**, anh cũng đã đi xét nghiệm ADN và đã có kết luận anh có cùng huyết thống cha – con với cháu **N** và cháu **T1**. Vì vậy anh đề nghị Tòa án xác định anh là cha đẻ của cháu **N** và cháu **T1**.

Quá trình làm việc cũng như tại phiên họp giải quyết việc dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh **Lê Văn D** đều vắng mặt, Tòa án đã thu thập lời khai của anh tại Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa trong quá trình giải quyết ly hôn với chị **H** thể hiện: Anh và chị **H** chỉ có 01 con chung là **Lê Văn T**, sinh ngày 12/10/2014.

Tại Bản kết quả xét nghiệm ADN số 240708.35.1 ngày 09/7/2024 của **Công ty cổ phần C**, kết luận: **Lê Văn H1** có quan hệ huyết thống Cha – Con với **Lê Thị Khánh N**, với xác suất 99,9999%.

Tại Bản kết quả xét nghiệm ADN số 240708.35.2 ngày 09/7/2024 của **Công ty cổ phần C**, kết luận: **Lê Văn H1** có quan hệ huyết thống Cha – Con với **Lê Anh T1**, với xác suất 99,9999%.

Tại phiên họp, chị **Vũ Thị H** giữ nguyên yêu cầu; Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về quan điểm giải quyết: Đề nghị Tòa án áp dụng các Điều 27; điểm a khoản 2 Điều 35; điểm c khoản 2 Điều 39; khoản 2 Điều 146; Điều 149; khoản 3, Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 372; Điều 390 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 70 Bộ luật dân sự, Chấp nhận đơn yêu cầu của chị **Vũ Thị H**, xác định anh

Lê Văn H1 là cha đẻ của các cháu Lê Thị Khánh N, sinh ngày 13/3/2019 và Lê Anh T1, sinh ngày 25/9/2020.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Vũ Thị H yêu cầu giải quyết việc dân sự là loại việc: “Yêu cầu xác định cha cho con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân là đúng với quy định tại khoản 10 Điều 29; khoản 2 Điều 35 và điểm t khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Lê Văn D vắng mặt nên căn cứ khoản 3 Điều 367 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt anh D.

Xét yêu cầu xác định cha cho con của chị Vũ Thị H: Anh Lê Văn D là chồng hợp pháp của chị H xác định anh chị chỉ có 01 con chung là cháu Lê Văn T, sinh ngày 12/10/2014. Chị Vũ Thị H và anh Lê Văn H1 đều xác định các cháu Lê Thị Khánh N, sinh ngày 13/3/2019 và Lê Anh T1, sinh ngày 25/9/2020 là con của anh chị. Bên cạnh đó tại các kết luận giám định ADN của Công ty cổ phần C đều kết luận các cháu Lê Thị Khánh N và Lê Anh T1 có quan hệ huyết thống Cha – Con với anh Lê Văn H1, với xác suất 99,9999%. Do đó yêu cầu của chị Vũ Thị H và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở được chấp nhận.

[2] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chị Vũ Thị H được miễn nộp tiền lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định.

[3] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp, viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo quy định pháp luật.

### QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 10 Điều 29; khoản 2 Điều 35 và điểm t khoản 2 Điều 39; khoản 2 Điều 146; Điều 149; khoản 3 Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 372 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 89, 101, 102 Luật Hôn nhân và gia đình

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Vũ Thị H.

Xác định anh **Lê Văn H1**, sinh năm 1986, địa chỉ: **Thôn C, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa** là cha đẻ của các cháu **Lê Thị Khánh N**, sinh ngày 13/3/2019 và **Lê Anh T1**, sinh ngày 25/9/2020.

2. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Miễn nộp tiền lệ phí giải quyết việc dân sự cho Chị **Vũ Thị H**.

3. Người yêu cầu có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyết định; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được niêm yết theo quy định; Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp và Viện kiểm sát cấp trên có quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**Nơi nhận: THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- UBND xã Thọ Phú, huyện Triệu Sơn;
- UBND xã Xuân Giang, huyện Thọ Xuân;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

**Lê Ngọc Công**